TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/DSST
Ngày: 14/5/2019
Về việc: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM – T.P HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Đào Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2016/TLST- DS ngày 19/12/2016, về việc *"Chia thừa kế nhà số 11C, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-ST ngày 04/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐDS – ST ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**
1, Bà Nguyễn Thị S (T) sinh năm 1948
Hộ khẩu thường trú: số x ngõ y phố Đ, T, H.
2, Bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1953
Hộ khẩu thường trú: z B, H, H.
3, Bà Nguyễn Thanh V sinh năm 1958
Hộ khẩu thường trú: số c phố K, H, H .

Bà S (T), bà Q, bà V cùng ủy quyền cho ông Lưu Đình N, sinh năm 1946, trú tại: 14 H, T, X, H.

*** Bị đơn**
Ông Nguyễn Tiến H sinh năm 1951
Hộ khẩu thường trú: số 11 C, x, H, H.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**
1, Ông Nguyễn Tiến B sinh năm 1955
2, Ông Nguyễn Tiến C sinh năm 1962
3, Anh Nguyễn Tuấn T sinh năm 1983
4, Anh Nguyễn Tuấn M sinh năm 1978
5, Chị Nguyễn Thị P sinh năm 1983
6, Cháu Nguyễn Tuấn K sinh ngày: 19/10/2009

Do anh Nguyễn Tuấn M làm giám hộ.

7, Bà Hồ Thị Y sinh năm 1954

8, Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1957

9, Anh Nguyễn Tiến Đ sinh năm 1991

10, Chị Nguyễn Thanh L sinh năm 1983

11, Cháu Hoàng Bảo A (do chị Nguyễn Thanh L làm giám hộ).

Cùng hộ khẩu thường trú: số 11 C, X, H, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Theo Chứng thư đoạn mại ngày 03/3/1959 thì cụ Nguyễn Ngọc T (sinh năm 1924, chết ngày 28/3/2009) và vợ là cụ Nguyễn Thị T (sinh năm 1924, chết ngày 18/6/2011) đã mua nhà số 11 C, phường X, quận H, thành phố H (gọi tắt là nhà số 11C). Mang Bằng khoán điền thổ số 555 Khu X thuộc thửa đất số 937, tờ bản đồ 19, Khu A, diện tích 114m2. Hiện trạng nhà là: Nhà không có tường xung quanh, mái gác nhợ hàng xóm, phía ngoài có mái lợp tôn (2 mái) vào khoản 3m x 8m, phía trong có 05 gian nhà lá một mái, cột tre. Một bên lợp tôn, một mái, nhà vệ sinh. Nhà xây trên thửa đất công thuê của Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình sinh sống tại nhà số 11C các cụ chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước, không tranh chấp với các hộ liền kề.

Hiện tại các cụ để ông H sử dụng nhà xây 4 tầng phía trong có diện tích là 21,73m2 bao gồm cả khu vệ sinh. Ông Nguyễn Tiến B sử dụng nhà xây 4 tầng phía trong tiếp giáp nhà ông H có diện tích là 19,32m2, có thêm khu vệ sinh là 1,4m2. Ông Nguyễn Tiến B sử dụng nhà xây 4 tầng phía trong tiếp giáp nhà ông H có diện tích là 23,5m2 bao gồm cả khu vệ sinh. Còn lại là diện tích sân.

Khoảng năm 2011 khi các cụ đã mất, ông H đã xây dựng ngôi nhà 04 tầng phía ngoài có diện tích là: 25,67 m2 cho các con bán hàng và cho thuê không được sự đồng ý của chị em trong gia đình dẫn đến tranh chấp. Ngoài ra các cụ còn 51 chỉ vàng là di sản thừa kế, hiện đã giao cho ông H quản lý. Chị em trong gia đình đã họp bàn nhiều nhưng không thành.

Hai cụ T và cụ Tám sinh được 6 người con (3 trai + 3 gái) là:

1. Bà Nguyễn Thị S (T)
2. Ông Nguyễn Tiến H
3. Bà Nguyễn Thị Q
4. Ông Nguyễn Tiến Bình
5. Bà Nguyễn Thanh V
6. Ông Nguyễn Tiến Cường

Ngoài ra các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

Đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể như sau:

- Chia thừa kế theo pháp luật di sản của hai cụ là nhà số 11C và 51 chỉ vàng.

- Bà S, bà Q, bà V xin hưởng bằng hiện vật phần nhà mặt đường và thanh toán cho các thừa kế khác theo giá trị.

Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến tòa án, không có ý kiến trình bày nên tòa án niêm yết, xét xử theo quy định chung.

Ngày 01/11/2017 Hội đồng định giá đã định giá như sau:

- Căn cứ quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định giá xây dựng mới trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ vào giá trị sử dụng còn lại của thời điểm định giá:

1. Diện tích phía ngoài tiếp giáp mặt phố C là nhà xây 4 tầng có diện tích là: 25,67 m2; Giá xây mới = 5.932.649 đồng/m2; Chất lượng xây dựng còn lại là: 60%; Thành tiền là: 25,67m2 x 5.932.649 đồng x 60% x 04 tầng = 365.498.800 đồng.

2. Phần diện tích nhà ông Nguyễn Tiến H: Nhà xây 4 tầng do ông H đang quản lý sử dụng có diện tích là 21,73m2 bao gồm cả khu vệ sinh. Giá xây mới là: đồng/m2; Chất lượng xây dựng còn lại là: 70%; Thành tiền là: 21,73m2 x 5.893.000 đồng x 70% x 04 tầng = 358.553.700đ đồng.

3. Diện tích nhà ông Nguyễn Tiến B: Nhà xây 4 tầng, có diện tích 19,32m2; giá xây mới 5.893.000 đồng/m2, chất lượng còn lại 70%. Thành tiền là: 19,32m2 x 5.893.000 đồng x 70% x 04 tầng = 318.788.000 đồng. Khu vệ sinh 1 tầng, chất lượng còn lại 70%, có giá: 1,4m^2 x 1 tầng x 4.397.000 đồng x 70% = 4.309.000 đồng.

4. Nhà ông Nguyễn Tiến CườngC: Nhà xây 4 tầng, diện tích 23,5m^2, giá còn lại 60% bao gồm cả khu vệ sinh. Giá xây mới 5.932.649 đồng/m2; Thành tiền là: 23,5m2 x 5.932.649 đồng x 60% x 4 tầng = 334.460.000 đồng.

5. Diện tích còn lại: sân 24,18m2, nền lát gạch giá xây dựng là: 206.000 đồng/m2; Thành tiền: 24,18m2 x 206.000 đồng x 60% = 2.988.000 đồng.

Nhà đất tại 11 C, X, H, H chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cứ hình thế hiện tại của thửa đất; căn cứ giá thị trường tại thời điểm hiện tại; căn cứ vị trí nhà. Hội đồng định giá thống nhất giá trị mua bán là 155.000.000 đồng/1m2.

Tổng cộng là: 114,4m2 x 155.000.000 đồng/1m2 = 17.732.000.000 đồng.

Giá vàng nhẫn 99,99% tại Hà Nội ngày 14/5/2019 là 3.589.000 đồng/1 chỉ. Tổng cộng là: 3.589.000 đồng x 51 chỉ = 182.019.000 đồng.

Tông cộng là:17.914.019.000 đồng

Tại phiên tòa: Bà S, ông N có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với ông H. Ông bà có nguyện vọng được chia diện tích 25,67 m2 (mặt đường 3,63m, phía sau 2,6m, dài phải 7,37m, dài trái 8,6m) và giá trị xây dựng nhà phía ngoài mặt phố. Bà S, ông N đồng ý cho ông H, ông Bình và ông Cường sử dụng ngõ đi tại tầng 1 có diện tích là: (1,8m + 1,3m) x 7,37m = 11,42m2 phía bên phải từ mặt phố đi vào để làm ngõ đi chung. Ông bà không yêu ông H, ông Bình và ông Cường thanh toán tiền chênh lệch giá trị nếu ông bà hưởng bằng hiện vật có giá trị ít hơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội:

- *Về tố tụng:* Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định đúng

quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

- *Về Nội dung:*

Theo Chứng thư đoạn mại ngày 03/3/1959 thì Ban hành chính khu phố Hàng Đào, Hà Nội đã nhận thực cụ Nguyễn Ngọc T và vợ cụ Nguyễn Thị T đã mua bán nhà số 11C mang Bằng khoán điền thổ số 555 Khu X thuộc thửa đất số 937, tờ bản đồ 19, Khu A, diện tích 114m2.

Nhà đất tại số 11 C có diện tích 114,4m2 là di sản thừa kế. Tuy có ghi là đất công, đền Cổ Lương, miếu Cổ Lương nhưng hiện nay không còn hoạt động tôn giáo gì cũng như cấp có thẩm quyền không có ý kiến gì nên tòa án giải quyết theo pháp luật.

Cụ T, cụ T sinh được 06 người con là: Bà S, ông H, bà Q, ông Bình, bà V và ông Cường. Ngoài ra các cụ không có con nuôi, con chung, con riêng nào khác. Không có ý kiến của ông H, ông B và ông C về huyết thống, nhưng căn cứ vào đơn khởi kiện, sơ yếu lý lịch Đảng viên của cụ T năm 1975. Có đủ cở sở kết luận cụ T, cụ Tám có 06 người con chung là: Bà S, ông H, bà Q, ông B, bà V và ông C. Nay cụ T và vợ là cụ Tám đều đã chết không có di chúc nên bà S, ông H, bà Q, ông B, bà V và ông C được hưởng di sản thừa kế cụ T, cụ Tám.

Do nhà các cụ mua năm 1958 đã hư hỏng nên Di sản thừa kế của cụ T, cụ T tại số 11 C chỉ còn là quyền sử đất có giá trị mua bán là: 17.732.000.000 đồng và 51 chỉ vàng các cụ để lại có giá trị là 182.019.000 đồng. Tổng cộng là: 17.914.019.000 đồng.

Tính công sức quản lý di sản cho ông H, ông B và ông C ngày cụ T chết là tháng 6/2011 cho đến tháng 5/2019 là 8 năm.

Ông H, ông B và ông C đã ăn ở ổn định trên các phần nhà đất phía trong nên đề nghị Tòa án chia cho bà S, bà Q, bà V phần nhà mặt phố phía ngoài.

Bà S, bà Q, bà V đồng ý cho ông H, ông B và ông C sử dụng ngõ đi tại tầng 1 có diện tích là: (1,8m + 1,3m) x 7,37m = 11,42m2 phía bên phải từ mặt phố đi vào để làm ngõ đi chung nên ghi nhận.

Do bà S, bà Q, bà V đề nghị chia chung vào một khối và không yêu cầu ông H, ông B và ông C thanh toán chênh lệch nên ghi nhận.

Các đương sự không phải nộp áp phí vì người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tranh chấp về thừa kế tài sản là nhà số 11C tại quận Hoàn Kiếm nên Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06/10/2016 bà S, bà Q, bà V khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn Ngọc T (sinh năm 1924, chết ngày 28/3/2009) và vợ là cụ Nguyễn Thị T (sinh năm 1924, chết ngày 18/6/2011) là nhà số 11C và 51 chỉ vàng là đúng quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông H, ông B, ông C, anh T, anh M, chị P, bà Y, bà T, anh Đ, chị L đã được tống đạt đầy đủ, đúng quy định các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng họ vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Theo Chứng thư đoạn mại ngày 03/3/1959 thì Ban hành chính khu phố Hàng Đào, Hà Nội đã nhận thực: Bên bán ông Phạm Văn A và bà Bùi Thị H, bên mua cụ Nguyễn Ngọc T và vợ cụ Nguyễn Thị T đã mua bán nhà số 11C mang Bằng khoán điền thổ số 555 Khu X thuộc thửa đất số 937, tờ bản đồ 19, Khu A, diện tích 114m2.

Theo Công văn số 1272/SXD-PC ngày 23/02/2017 của Sở xây dựng Hà Nội thì: Theo sổ nhà cửa hiện đang lưu giữ tại Sở xây dựng thể hiện nhà số 11C là nhà tôn 1 tầng mang Bằng khoán điền thổ số 555 Khu Đồng Xuân có diện tích sử dụng 43,5m2;

a) Cột sở hữu chủ ghi:

- Đất công. Đền Cổ Lương.
- Nhà Nguyễn Ngọc T vợ Nguyễn Thị T.

b) Cột dạng nhà ghi: Tư nhân tự quản.

Theo Công văn số 4367/STNMT-CCQLĐĐ ngày 07/6/2017 Sở tài nguyên môi trường Thành phố Hà Nội cung cấp tài liệu, gồm:

- Phiếu thửa đất số 937, tờ bản đồ 19, Khu A;
- Bằng khoán điền thổ số 555 Khu Đồng Xuân;

Theo tài liệu do Sở tài nguyên môi trường Thành phố Hà Nội cung cấp thì ghi nhà số 11C là Miếu Cổ Lương.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/7/2017, Ủy ban nhân dân phường X cho biết: Nhà đất tại 11 C, X, H, H trước khi có phát sinh việc khởi kiện chia thừa kế thì không có tranh chấp khiếu kiện với các hộ liền kề và trong gia đình. Ngày 01/11/2017 Tòa án đã tiến hành đo vẽ nhà 11 C có diện tích thực tế là 114,4m2. Như vậy, nhà 11 C có diện tích lớn hơn là 0,4 m2, nhưng qua 61 năm không tranh chấp mốc giới vớ các hộ liền kề, từ năm 1958 đến nay gia đình cụ T, cụ T đã sinh sống ổn định. Do vây, xác định nhà 11 C có diện tích thực tế là 114,4m2 để chia thừa kế cho các đương sự là tạo sự ổn định về việc quản lý nhà đất tại địa phương và trật tự xã hội.

Theo điểm d, khoản 1, Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và các Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì cụ T, cụ T đã có Giấy tờ mua bán nhà 11 C trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 và được Ban hành chính khu phố Hàng Đào, Hà Nội xác nhận nên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Do đó nhà đất tại số 11 C có diện tích 114,4m2 là di sản thừa kế. Tuy có ghi là đất công, đền Cổ Lương, miếu Cổ Lương nhưng hiện nay không còn hoạt động tôn giáo gì cũng như cấp có thẩm quyền không có ý kiến gì nên tòa án giải quyết theo pháp luật.

Cụ T, cụ T chết không để lại di chúc. Chia thừa kế di sản của cụ T, cụ T theo pháp luật. Cụ T, cụ T sinh được 06 người con là: Bà S, ông H, bà Q, ông B, bà V và ông C. Ngoài ra các cụ không có con nuôi, con chung, con riêng nào

khác. Không có ý kiến của ông H, ông B và ông C về huyết thống, nhưng căn cứ vào đơn khởi kiện, sơ yếu lý lịch Đảng viên của cụ T năm 1975, căn cứ vào việc sinh sống tại nhà số 11C. Có đủ cở sở kết luận cụ T, cụ T có 06 người con chung là: Bà S, ông H, bà Q, ông B, bà V và ông C. Nay cụ T và vợ là cụ T đều đã chết nên bà S, ông H, bà Q, ông B, bà V và ông C được hưởng di sản thừa kế của cụ T, cụ T.

Do nhà các cụ mua năm 1958 đã hư hỏng nên Di sản thừa kế của cụ T, cụ T tại số 11 C chỉ còn là quyền sử đất có giá trị mua bán là: 17.732.000.000 đồng và 51 chỉ vàng các cụ để lại có giá trị là 182.019.000 đồng. Tổng cộng là: 17.914.019.000 đồng.

Tính công sức quản lý di sản cho ông H, ông B và ông C ngày cụ T chết là tháng 6/2011 cho đến tháng 5/2019 là 8 năm. Mỗi ông được hưởng là 2.000.000 đồng/1 tháng. Ông H, ông B và ông C mỗi người được là: 96 tháng x 2.000.000 đồng = 192.000.000 đồng.

Di sản thừa kế còn lại là: 17.914.019.000 đồng – (192.000.000 đồng x 3) = 17.338.019.000 đồng. Bà S, bà Q, bà V, ông H, ông B, ông C mỗi người được hưởng thừa kế là: 2.889.670.000 đồng. Ông H, ông B, ông C mỗi người được hưởng thừa kế và công sức quản lý di sản là: 2.889.670.000 đồng + 192.000.000đồng = 3.081.670.000 đồng.

Ông H, ông B và ông C đã ăn ở ổn định trên các phần nhà đất phía trong nên Tòa án chia cho bà S, bà Q, bà V phần nhà mặt đường phía ngoài, các thừa kế được chia nhiều hơn phải thanh toán lại cho các thừa kế khác theo giá trị.

Chia cho ông H diện tích 21,73m2 đất bao gồm cả khu vệ sinh mà ông H đang quản lý sử dụng có giá trị quyền sử dụng đất là: 3.368.150.000 đồng. Chia cho ông H 51 chỉ vàng các cụ để lại có giá trị là 182.019.000 đồng.

Chia cho ông B diện tích 19,32m2 đất, khu vệ sinh 1 tầng có diện tích là 1,4m2 mà ông B đang quản lý sử dụng có giá trị quyền sử dụng đất là: 3.221.600.000 đồng.

Chia cho ông C diện tích 23,5m2 đất bao gồm cả khu vệ sinh mà ông C đang quản lý sử dụng có giá trị quyền sử dụng đất là: 3.642.500.000 đồng.

Chia cho bà S, bà Q, bà V diện tích 25,67 m2 (mặt đường 2,63m, phía sau 1,6m, dài phải 7,37m, dài trái 8,6m) có giá trị quyền sử dụng đất là: 3.978.850.000 đồng, giá trị xây dựng phía ngoài là: 365.498.800 đồng. Tổng cộng là: 4.344.348.800 đồng.

Ông H được bà S, bà Q, bà V thanh toán toàn bộ giá trị xây dựng nhà 04 tầng phía mặt phố C có diện tích là: 25,67 m2 với số tiền là: 365.498.800 đồng.

Bà S, bà Q, bà V đồng ý cho ông H, ông B và ông C sử dụng ngõ đi tại tầng 1 có diện tích là: (1,8m + 1,3m) x 7,37m = 11,42m2 phía bên phải từ mặt phố đi vào để làm ngõ đi chung.

Chia cho ông H, ông B và ông C sân chung diện tích là: 24,18m2 (diện tích còn lại tại 11 phố C) có giá trị là 3.747.900.000 đồng.

Như vậy, ông H được chia là: 3.368.150.000 đồng + (3.747.900.000 đồng : 3 = 1.249.300.000 đồng) + 182.019.000 đồng = 4.799.469.000 đồng.

Ông B được chia là: 3.221.600.000 đồng + 1.249.300.000 đồng = 4.470.900.000 đồng.

Ông C được chia là: 3.642.500.000 đồng + 1.249.300.000 đồng = 4.891.800.000 đồng.

Bà S, bà Q, bà V được chia là: 4.344.348.800 đồng.

Do bà S, bà Q, bà V đề nghị chia chung vào một khối và không yêu cầu ông H, ông B và ông C thanh toán chênh lệch. Cho nên, ông H không phải thanh toán cho bà S, bà Q, bà V số tiền là: 4.799.469.000 đồng - 365.498.800 đồng - 3.081.670.000 đồng = 1.332.300.200 đồng. Ông B không phải thanh toán cho bà S, bà Q, bà V số tiền là: 4.470.900.000 đồng - 3.081.670.000 đồng = 1.389.230.000 đồng. Ông C không phải thanh toán cho bà S, bà Q, bà V số tiền là: 4.891.800.000 đồng - 3.071.336.500 đồng = 1.810.130.000 đồng.

Các bên đương sự không có đề nghị, yêu cầu gì khác cần xem xét thêm nên tòa không xét.

Các trình bày và đề nghị khác của đương sự không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên tòa án chấp nhận.

Án phí: Bà S, ông H, bà Q, ông B, bà V không phải chịu án phí vì là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. Các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 5, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 614; 616; 617; 618; 623; 649; 650; 651; 660 Khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Các Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V đối với ông Nguyễn Tiến H về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Ngọc T và vợ cụ Nguyễn Thị T.

2. Xác định cụ Nguyễn Ngọc T chết ngày 28/3/2009. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc T ngày 28/3/2009.

3. Xác định cụ Nguyễn Thị T chết ngày 18/6/2011. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị T ngày 18/6/2011.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc T và vợ cụ Nguyễn Thị T là nhà số 11C, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội mang Bằng khoán điền thổ số 555 Khu Đồng Xuân, thuộc thửa đất số 937, tờ bản đồ 19, Khu A, diện tích thực

tế 114,4m2 có giá trị quyền sử đất là: 17.732.000.000 đồng và 51 chỉ vàng có giá trị là 182.019.000 đồng. Tổng cộng là: 17.914.019.000 đồng.

5. Tính công sức quản lý di sản cho ông H, ông B, ông C từ khi cụ T chết là tháng 6/2011 cho đến tháng 5/2019 là 8 năm. Mỗi ông được hưởng là 192.000.000 đồng.

6. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc T và vợ cụ Nguyễn Thị T còn lại là: 17.338.019.000 đồng.

7. Cụ Nguyễn Ngọc T và vợ cụ Nguyễn Thị T chết không có di chúc. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc T và vợ cụ Nguyễn Thị T theo pháp luật. Bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Tiến C mỗi người được hưởng thừa kế là: 2.889.670.000 đồng.

Cộng với tiền quản lý di sản: Ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Tiến C mỗi người được hưởng thừa kế và công sức quản lý di sản là: 3.081.670.000 đồng.

8. Chia hiện vật nhà đất tại số 11 C, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội cụ thể như sau:

8.1.Chia cho ông Nguyễn Tiến H diện tích 21,73m2 đất bao gồm cả khu vệ sinh mà ông Nguyễn Tiến H đang quản lý sử dụng có giá trị quyền sử đất là: 3.368.150.000 đồng. Chia cho ông Nguyễn Tiến H 51 chỉ vàng có giá trị là 182.019.000 đồng.

8.2. Chia cho ông Nguyễn Tiến B diện tích 19,32m2 đất, khu vệ sinh 1 tầng có diện tích là 1,4m2 mà ông Nguyễn Tiến B đang quản lý sử dụng có giá trị quyền sử đất là: 3.221.600.000 đồng.

8.3. Chia cho ông Nguyễn Tiến C diện tích 23,5m2 đất bao gồm cả khu vệ sinh mà ông Nguyễn Tiến C đang quản lý sử dụng có giá trị quyền sử đất là: 3.642.500.000 đồng.

8.4. Chia cho bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V diện tích 25,67 m2 (mặt phố 3,63m, phía sau 2,6m, dài phải 7,37m, dài trái 8,6m) có giá trị quyền sử dụng đất là: 3.978.850.000 đồng, giá trị xây dựng nhà phía ngoài là: 365.498.800 đồng. Tổng cộng là: 4.344.348.800 đồng.

8.5. Bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V đồng ý cho ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Tiến C sử dụng ngõ đi tại tầng 1 có diện tích là: (1,8m + 1,3m) x 7,37m = 11,42m2, phía bên phải từ mặt phố đi vào để làm ngõ đi chung (có sơ đồ kèm theo).

8.6. Chia cho ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Tiến C sân chung diện tích là: 24,18m2 (diện tích còn lại tại 11 phố C) có giá trị là 3.747.900.000 đồng.

9. Ghi nhận bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V không yêu cầu ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Tiến C thanh toán số tiền chênh lệch do được chia thừa kế.

10. Bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Tiến C đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại nhà số 11C, X, H, H đối với các diện tích nhà đất được chia trên theo quy định pháp luật.

11. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B không phải chịu án phí không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Tiến C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 93.620.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị S (T), bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V, được hoàn lại số tiền 57.942.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001644 ngày 08/12/2016 do ông Lưu Đình N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S (T), ông Lưu Đình N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Tiến C, anh Nguyễn Tuấn T, anh Nguyễn Tuấn M, chị Nguyễn Thị P, bà Hồ Thị Y, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thanh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án dân sự Hoàn Kiếm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN NGỌC HÒA